



BẢN TIN

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Thuế | Đầu tư | Ngân hàng | Tài chính doanh nghiệp | Kế toán | Khác

Số 100

Tháng 04/2009

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC cung cấp những thông tin mới nhất về thuế, đầu tư, ngân hàng v.v tại Việt Nam cho các khách hàng thường xuyên của AAC và bạn đọc khác có nhu cầu. Tài liệu này phát hành hàng tháng bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, và gửi đến bạn đọc thông qua Bưu điện, Fax hoặc bằng E-mail.



□

Từ viết tắt

BTC

Bộ Tài chính

BCT

Bộ Công thương

BLĐTBXH

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

BXD

Bộ Xây dựng

NHNN

Ngân hàng Nhà nước

TCT

Tổng Cục thuế

TCHQ

Tổng Cục Hải quan

Thuế GTGT

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

NĐ

Nghị định

TT

Thông tư

QĐ

Quyết định

CV

Công văn

Nội dung

Phát hành ngày 04/05/2009

Trang

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

1. Thuế Giá trị gia tăng	2-4
- Các quy định chung	2-3
- Thuế suất	3-4
- Hoá đơn chứng từ	4
2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4
3. Thuế Thu nhập cá nhân	4-6
4. Thuế khác, phí, lệ phí	6
5. Xuất nhập khẩu	7
6. Kế toán tài chính	7
7. Lao động – Tiền lương	7-8
8. Ngân hàng	8-9
9. Xây dựng	9-10
10. Các quy định khác	10-11
Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 04/2009	11
Danh mục các văn bản mới trong tháng 03 và tháng 04/2009	12

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

THUẾ GTGT

Quy định chung

[Bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm kích cầu đầu tư, tiêu dùng và tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp](#)

Ngày 16/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg, bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.

Theo đó, giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với 05 nhóm hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: sợi, vải và sản phẩm may mặc, da giày các loại; giấy và sản phẩm bằng giấy các loại (trừ sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và giấy in báo); xi măng; gạch, ngói các loại; xe mô tô hai bánh, xem mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm³.

Đồng thời, giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý IV năm 2008 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất sợi, dệt, nhuộm, may và sản xuất các mặt hàng da giày.

Ngoài ra, giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) kể từ ngày 10/05/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Kéo dài thời hạn nộp thuế GTGT đến 180 ngày đối với các lô hàng nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, áp dụng đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 1/5/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Chính sách thuế đối với hàng tạm nhập tái xuất](#): Hàng hóa thuộc diện không chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Thời điểm tính thuế GTGT từ thời điểm chuyển mục đích sử dụng. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa ra thị trường nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định.

Căn cứ hướng dẫn trên, từ ngày 01/01/2009, Công ty nhập khẩu hàng hóa theo diện tạm nhập tái xuất hết, chuyển sang tiêu thụ nội địa thì Công ty phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan và kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế trực tiếp quản lý khi bán ra trong nội địa.

(CV số 1277/TCT-CS ngày 08/04/2009)

[Thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất](#)

Tại điểm 1 mục II phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 30/2008/TT-BTC ngày 16/4/2008 của Bộ Tài chính) hướng dẫn thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ sau:

"1.1- Hàng hoá xuất khẩu bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho doanh nghiệp chế xuất (trừ hàng hoá sử dụng cho tiêu dùng cá nhân)...

1.2- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân".

Căn cứ hướng dẫn nêu trên thì chỉ các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được tiêu dùng tại doanh nghiệp chế xuất được áp dụng thuế suất 0%. Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được tiêu dùng bên ngoài doanh nghiệp chế xuất không được áp dụng thuế suất 0%. Như vậy, các dịch vụ do cơ sở kinh doanh nội địa cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được tiêu dùng ở bên ngoài doanh nghiệp chế xuất bao gồm cho thuê nhà, đất, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi, xây dựng nhà ở cho người lao động, dịch vụ vận chuyển, đưa đón người lao động không áp dụng thuế suất 0%.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa cung cấp các dịch vụ nêu trên để tiêu dùng bên ngoài doanh nghiệp chế xuất nếu đã áp dụng thuế suất 0% thì phải điều chỉnh lại và không bị xử phạt chậm nộp.

Từ ngày 01/01/2009 thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.

(CV số 1276/TCT-CS ngày 08/04/2009)

[Thời điểm tính thuế GTGT:](#)

Tại điểm 2 mục I phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về thuế GTGT hướng dẫn: Thời điểm tính thuế GTGT đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Từ ngày 01/01/2009 các hàng hóa, dịch vụ chuyển từ áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5% lên 10% thì việc áp dụng thuế suất thuế GTGT cho hàng hóa mua vào, bán ra được thực hiện theo nguyên tắc: Xuất hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm nào thì lập hóa đơn theo thuế suất thuế GTGT tại thời điểm đó.

Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo những hợp đồng ký từ năm 2008 nhưng đến năm 2009 mới thực hiện xuất bán hàng hóa, dịch vụ thì Công ty lập hóa đơn với thuế suất thuế GTGT theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC nêu trên.

(CV 1178/TCT-CS ngày 01/04/2009)

Thuế suất

Chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê tàu, giàn khoan loại trong nước chưa sản xuất được: Tàu bay (kể cả động cơ tàu bay), giàn khoan, tàu thủy loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, kể cả trường hợp nhập khẩu và cho thuê lại thuộc diện không chịu thuế GTGT. *(CV số 5158/BTC-TCT ngày 09/04/2009)*

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm cơ khí:

Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với sản phẩm cơ khí từ ngày 01/01/2009 như sau:

Căn cứ điểm 3 mục II, phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT, từ ngày 01/01/2009, sản phẩm cơ khí áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thực hiện theo Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 hướng dẫn thực hiện việc giảm thuế GTGT đối với một số hàng hóa, dịch vụ kinh doanh gặp khó khăn.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2009/TT-BTC nêu trên thì sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

(CV số 1177/TCT-CS ngày 01/04/2009)

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng gia công xuất khẩu:

Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài kể cả ủy thác xuất khẩu;
- Hàng hóa, bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế
- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thương mại:
- + Hàng hóa gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hóa với nước ngoài.
- + Hàng hóa gia công xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hóa với nước ngoài.
- + Hàng hóa xuất khẩu để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài

Căn cứ hướng dẫn trên, hàng hóa ủy thác gia công xuất khẩu không được coi là trường hợp xuất khẩu theo quy định của pháp luật thương mại. Trường hợp cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài nhưng sau đó ký hợp đồng giao lại cho cơ sở khác ở trong nước gia công thì khi xuất trả hàng, cơ sở trong nước nhận gia công xuất hóa đơn GTGT theo thuế suất của mặt hàng nhận gia công cho cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài. Cơ sở ký hợp đồng trực tiếp với nước ngoài khi xuất khẩu hàng gia công cho nước ngoài nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT.

(CV số 1174/TCT-CS ngày 01/04/2009)

Thuế GTGT đối với hoạt động vận chuyển:

Hoạt động vận chuyển đất, đá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10% và được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT kể từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Hoạt động bốc xúc đất, đá; san gạt bãi thải; khoan lỗ mìn thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10% và không được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

(CV số 909/TCT-CS ngày 17/03/2009)

Hóa đơn chứng từ

Hóa đơn, chứng từ trong việc sử dụng tài sản chung

- Đối với tiền điện, nước, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê bảo vệ, thuê dịch vụ là các chi phí có hóa đơn GTGT, có thuế GTGT; trên hóa đơn chỉ ghi tên người mua là chủ thể được giao quản lý tài sản: Căn cứ biên bản xác định tỷ lệ chi phí sử dụng chung, chủ thể quản lý tài sản thực hiện xuất hóa đơn GTGT trên hóa đơn ghi rõ là thu hộ tiền

- Đối với chi phí khấu hao TSCĐ, tiền thu sử dụng đất, tiền thuê đất; tiền lương bảo vệ, nhân viên phục vụ (chi phí không có thuế GTGT): Căn cứ Biên bản xác nhận tỷ lệ chi phí mà các bên sử dụng, các bên lập chứng từ thu chi để thực hiện thanh toán các khoản chi: lương bảo vệ, lương nhân viên phục vụ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí khấu hao của tài sản dùng chung. Căn cứ chứng từ thu, chi và Biên bản xác nhận tỷ lệ chi phí, chủ thể quản lý tài sản hạch toán giảm chi phí, bên sử dụng tài sản hạch toán chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(CV số 989/TCT-CS ngày 20/03/2009)

THUẾ TNDN

Lưu đãi thuế TNDN đối với Khu Công nghệ thông tin tập trung:

Điều 13, Điều 14 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008 quy định: Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời gian 15 năm, được miễn thuế TNDN 04 năm và giảm 50% trong thời gian 9 năm tiếp theo.

Điều 51 Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 quy định: "Khu công nghệ thông tin tập trung là loại hình khu công nghệ cao, tập trung hoặc liên kết cơ sở nghiên cứu phát triển, sản xuất, kinh doanh, đào tạo về công nghệ thông tin. Tổ chức, cá nhân đầu tư và hoạt động trong Khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với Khu công nghệ cao".

Căn cứ các quy định nêu trên, các doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư trong Khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao.

(CV số 1144/TCT-CS ngày 30/03/2009)

Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC: Tại Điểm 1, công văn số 1326/BTC-CST ngày 04/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thực hiện Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về đối tượng áp dụng bao gồm:

"Doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC bao gồm cả các tổ chức: hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp nhưng hạch toán độc lập; đơn vị thành viên hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC".

Căn cứ theo quy định trên thì hợp tác xã cũng thuộc đối tượng được giảm, giãn thời hạn nộp thuế TNDN nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

(CV số 1026/TCT-CS ngày 24/03/2009)

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Giãn nộp thuế TNCN: Việc xác định cá nhân không cư trú có các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam không thuộc diện được giãn nộp thuế, cụ thể bao gồm các trường hợp sau:

- a) Cá nhân không hiện diện tại Việt Nam.
- b) Cá nhân rời Việt Nam trước ngày 30/6/2009.
- c) Cá nhân đến Việt Nam từ ngày 01/01/2009 nhưng không xác định rõ thời gian rời Việt Nam, không có nơi ở đăng ký thường trú hoặc không có hợp đồng thuê nhà ở có thời hạn từ 90 ngày trở lên tại Việt Nam.

Căn cứ các hướng dẫn nêu trên thì trường hợp cá nhân người nước ngoài chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong tháng 4/2009 và rời khỏi Việt Nam trước ngày 30/6/2009 hoặc không xác định rõ thời gian rời Việt Nam thì cá nhân đó không thuộc diện được giãn thời hạn nộp thuế TNCN.

(CV số 1308/TCT-TNCN ngày 10/04/2009)

Chính sách thuế TNCN đối với các khoản khoán chi:

Tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính có hướng dẫn:

"Đối với khoản khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... không tính vào thu nhập chịu thuế nếu mức khoán chi phù hợp với quy định của Nhà nước hiện hành. Mức khoán chi áp dụng đối với từng trường hợp như sau:

- Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài."

Căn cứ hướng dẫn nêu trên thì việc tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế đối với khoản tiền công tác phí nhận được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổ chức quốc tế áp dụng chế độ thanh toán tiền công tác phí theo thực tế chi có hoá đơn chứng từ hợp pháp thì khoản tiền thanh toán này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của lao động.
- Trường hợp tổ chức quốc tế có quy định mức khoán chi tiền công tác phí thì chỉ tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động phần được thanh toán cao hơn mức khoán chi do tổ chức quốc tế quy định.
- Trường hợp tổ chức quốc tế áp dụng đồng thời chế độ thanh toán tiền công tác phí đối với một số khoản (như tiền khách sạn, vé máy bay,...) theo thực tế phát sinh có hoá đơn, chứng từ hợp pháp và chế độ khoán chi đối với một số khoản khác (như tiền ăn, chi tiêu cá nhân,...) thì chỉ tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động phần được thanh toán cao hơn mức khoán chi do tổ chức quốc tế quy định.

(CV số 1259/TCT-TNCN ngày 07/04/2009)

Hướng dẫn mới về thuế thu nhập cá nhân

Ngày 27/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 62/2009/TT- BTC, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ- CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Theo hướng dẫn tại Thông tư này, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được miễn thuế TNCN đối với khoản trợ cấp chuyển vùng 1 lần; tiền mua vé máy bay khứ hồi về phép; tiền học phí cho con học tại Việt Nam...

Đối với quy định về giảm trừ gia cảnh, người nộp thuế có mẹ kế, bố dượng cũng sẽ được tính là người phụ thuộc nếu đáp ứng điều kiện: ngoài độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng.

Đối với cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung như sau: trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng thì chưa phải nộp thuế TNCN. Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này mới phải nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn. Đối với trường hợp cá nhân được chia cổ tức bằng tiền nhưng không nhận mà ghi tăng vốn đầu tư cũng áp dụng phương pháp thu thuế TNCN như đối với trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng.

Đối với hoạt động cho thuê nhà và tài sản, người cho thuê nhà, tài sản từ trước năm 2009 và đã thu tiền cho thuê cả thời gian từ năm 2009 trở đi, đã khai và nộp thuế TNDN trên toàn bộ doanh thu thu trước. Từ ngày 01/01/2009, cá nhân cho thuê được lựa chọn giữ nguyên mức thuế TNDN đã nộp cho doanh thu từ năm 2009 trở đi hoặc tính lại theo Luật thuế TNCN.

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng; chuyển nhượng vốn góp, đầu tư vốn (trường hợp phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)... thời hạn nộp thuế TNCN là ngày ghi trên thông báo nộp thuế của cơ quan thuế nhưng chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thuế.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 11/05/2009 và áp dụng cho các khoản thu nhập phát sinh từ ngày 01/01/2009.

Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam

Ngày 24/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 57/2009/TT-BTC về nội dung trên Hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam

Theo đó, cá nhân Việt Nam được tuyển dụng theo hợp đồng, làm việc tại văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân. Các cá nhân khác được văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam tuyển dụng và trả lương theo giờ không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

Thu nhập được miễn thuế cho nhân viên theo quy định tại Thông tư này là các khoản tiền lương và thù lao mà nhân viên nhận được do văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc trả. Các khoản thu nhập mà nhân viên nhận được từ các nguồn khác không do tổ chức Liên hợp quốc trả thì các nhân viên phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành.

Văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam có trách nhiệm nộp danh sách nhân viên Việt Nam được văn phòng tuyển dụng thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này cho Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi văn phòng đóng trụ sở chậm nhất là ngày 30/5/2009.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08/05/2009

Thuế TNCN đối với tiền lương làm thêm giờ:

Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật thuộc diện được miễn thuế.

Ví dụ: Một cá nhân có mức lương trả theo ngày làm việc bình thường theo quy định của Bộ luật Lao động là 20.000 đồng/giờ, nếu cá nhân làm thêm giờ vào ngày thường được trả 30.000đ/giờ thì thu nhập được miễn thuế là:

Trong trường hợp nếu làm việc ca đêm được trả thu nhập cao hơn làm việc ca ngày thì phần thu nhập cao hơn do làm việc ca đêm cũng được miễn nộp thuế TNCN. [\(CV số 997/TCT-TNCN ngày 23/03/2009\)](#)

[Giảm trừ gia cảnh cho đối tượng nộp thuế:](#) Trường hợp bố, mẹ của đối tượng nộp thuế đang trong độ tuổi lao động, sức khỏe bình thường thì ĐTNT không được tính giảm trừ gia cảnh cho bố, mẹ và em trai hiện đang theo học đại học

Trường hợp bố của ĐTNT ngoài độ tuổi lao động thì ĐTNT được tính giảm trừ cho người phụ thuộc cho bố nếu người bố không có thu nhập hoặc thu nhập không vượt quá 500.000 đồng/tháng, còn mẹ vẫn đang trong độ tuổi lao động và em trai đang theo học đại học thì không được tính giảm trừ.

[\(CV số 834/TCT-TNCN ngày 11/03/2009\)](#)

[Thuế TNCN đối với người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam:](#) Từ 31/12/2008 trở về trước: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là người nước ngoài, được hưởng khoản phụ cấp của Công ty nhưng không hiện diện tại Việt Nam (không ở Việt Nam ngày nào) thì không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao tại Việt Nam.

Tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định về đối tượng nộp thuế TNCN bao gồm: "Cá nhân là người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng có thu nhập chịu thuế, bao gồm: người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam".

Căn cứ vào quy định trên đây thì từ 01/01/2009: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là người nước ngoài, được hưởng khoản phụ cấp, tiền thưởng của Công ty nhưng không hiện diện tại Việt Nam (không ở Việt Nam ngày nào) thực hiện theo quy định tại Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[\(CV số 830/TCT-TNCN ngày 10/03/2009\)](#)

THUẾ KHÁC, PHÍ, LỆ PHÍ

[Miễn tiền thuê đất cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng](#)

Ngày 20/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 62/2009/QĐ- TTg về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng.

Theo đó, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất để kinh doanh vận tải hành khách công cộng tại các quận, thành phố, thị xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng. Đối với diện tích không sử dụng vào mục đích nêu trên phải nộp tiền thuê đất theo quy định hiện hành.

Các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi này không được phép chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất. Trường hợp doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng không đúng mục đích để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe thì Nhà nước thực hiện thu hồi đất và xử lý tài sản đã đầu tư trên đất theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/06/2009.

[Hướng dẫn thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt](#)

Ngày 27/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 64/2009/TT-BTC, hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/03/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Theo đó, đối tượng chịu thuế TTĐB được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Điều 2 Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ. Ngoài ra, mặt hàng điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hoá bán ra hoặc nhập khẩu vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (điều hoà hoàn chỉnh).

Về quy định khấu trừ thuế, người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu chịu thuế TTĐB nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu sản xuất. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của nguyên liệu sử dụng để sản xuất ra hàng hoá chịu thuế TTĐB.

Ngoài ra, Bộ Tài chính còn quy định cụ thể về các trường hợp hoàn thuế, người nộp thuế, giá tính thuế TTĐB cho hàng hoá, dịch vụ...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2009; thay thế Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003, Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 08/03/2005, Phần A Thông tư số 115/2005/TT-BTC ngày 16/12/2005.

XUẤT NHẬP KHẨU

[Điều chỉnh thuế nhập khẩu một số mặt hàng](#)

Trong hai ngày 13 và 14/04/2009, Bộ Tài chính đã ban hành 5 Thông tư từ số 73/2009/TT-BTC đến 77/2009/TT-BTC hướng dẫn việc điều chỉnh thuế nhập khẩu đối với một loạt mặt hàng như dầu diesel, thép, phân bón, thức ăn chăn nuôi...

Trong đó dầu diesel và thức ăn chăn nuôi là các mặt hàng được điều chỉnh thuế nhập khẩu theo hướng giảm xuống còn thép và phân bón được điều chỉnh theo hướng tăng lên. Tất cả các mức thuế suất mới đều áp dụng cho từ khai hải quan từ ngày 20/4/2009.

Cụ thể, thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng dầu kerosene sẽ giảm từ mức 40% xuống 35%, đối với dầu diesel các loại sẽ giảm từ 25% xuống 20%. Riêng thuế nhập khẩu mặt hàng xăng vẫn giữ ở mức 20%.

Cùng trong nhóm mặt hàng được điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu đợt này là các loại nông phẩm như mỡ và dầu động vật cùng các phân đoạn của chúng ở dạng đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học. Mức thuế suất đối với nhóm mặt hàng này giảm từ 15% xuống 5%. Thuế suất với mặt hàng kiều mạch giảm từ 5% xuống 3%, chế phẩm dùng trong chăn nuôi động vật, loại dùng cho gia cầm, cho lợn giảm từ 5% xuống 4%.

Tuy nhiên, thuế suất phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa phosphat, loại dùng làm thức ăn chăn nuôi; phân khoáng hoặc phân hoá học có chứa ba nguyên tố là nitơ, phospho, kali, ở dạng viên hoặc các dạng tương tự hoặc đóng trong bao bì, cùng tăng từ 5% lên 6,5%.

Đặc biệt, thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng thép nhưng thép dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim; các dạng góc, khuôn, hình bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim, có mặt cắt ngang hình tròn hoặc dạng khác tăng rất mạnh, từ 0% lên 10%.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

[Quy định mới về kiểm toán độc lập](#)

Ngày 30/03/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2009/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập.

Theo đó, doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo 3 hình thức: Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, thay cho trước đây tồn tại cả mô hình doanh nghiệp kiểm toán hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Theo quy định mới, doanh nghiệp kiểm toán chỉ được thành lập khi có ít nhất 3 người có Chứng chỉ kiểm toán viên, trong đó có Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc nếu là thành viên công ty TNHH, công ty hợp danh thì phải sở hữu ít nhất là 10% vốn điều lệ công ty. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán phải có thời gian công tác thực tế về kiểm toán đủ 3 năm trở lên...

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp kiểm toán phải thường xuyên đảm bảo có ít nhất 3 kiểm toán viên hành nghề ký hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian với doanh nghiệp. Sau 6 tháng liên tục không đảm bảo điều kiện này doanh nghiệp kiểm toán phải ngừng cung cấp dịch vụ kiểm toán.

Các doanh nghiệp kiểm toán TNHH một thành viên có vốn đầu tư nước ngoài đã thành lập và hoạt động trước khi có Nghị định này vẫn được phép hoạt động bình thường đến khi hết hạn theo Giấy phép đầu tư.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 14/05/2009, bãi bỏ Nghị định số 133/2005/NĐ-CP ngày 31/10/2005.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

[Điều chỉnh mức lương tối thiểu chung](#)

Ngày 06/04/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2009/NĐ-CP, quy định mức lương tối thiểu chung.

Theo đó, mức lương tối thiểu chung thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 là 650.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu chung áp dụng đối với cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; đơn vị sự nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; Công ty được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

Mức lương tối thiểu chung quy định tại Nghị định này được dùng làm cơ sở tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương, mức phụ cấp lương và thực hiện một số chế độ khác theo quy định của pháp luật ở các cơ quan, đơn vị, tổ chức nêu trên; Tính trợ cấp kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 trở đi đối với lao động dôi dư theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước; Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo lương tối thiểu chung.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 31/05/2009, bãi bỏ Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16/11/2007.

[Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc:](#) Theo quy định tại khoản 2, Điều 41, Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì tiền lương, tiền công làm căn cứ tính chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo pháp luật lao động là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi mất việc làm

Như vậy, theo quy định trên thì tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Ví dụ, ông A làm việc cho công ty B theo hợp đồng lao động từ ngày 01/02/2007, đến ngày 01/06/2009 ông A chấm dứt hợp đồng lao động thì tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc đối với ông A là tiền lương tính bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm ngày 01/6/2009.

(CV số 1009/LĐTĐHXH-LĐTL ngày 02/04/2009)

Giải quyết quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp cổ phần hoá: Theo quy định tại điểm 2, mục I Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTĐHXH ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, thì thời gian được tính để chia số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi bằng tiền là tổng số năm (đủ 12 tháng) thực tế làm việc của người lao động tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đó đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Phần tháng lẻ của tổng số năm thực tế làm việc để tính chia số dư các quỹ nêu trên do doanh nghiệp quyết định. Vì vậy, người lao động được chia Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi là người lao động đang làm việc và có tên trong danh sách của doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời gian tính hưởng là tổng thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp kể từ khi thành lập cho đến khi xác định giá trị doanh nghiệp. ***(CV số 963/LĐTĐHXH-LĐTL ngày 30/03/2009)***

NGÂN HÀNG

Tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ

Ngày 17/04/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 07/2009/TT-NHNN, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

Theo đó, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 10% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro (bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong nước, tiền mặt đang trong quá trình thu, dư nợ cho vay (gốc, lãi) có bảo đảm bằng bất động sản của bên vay, bất động sản và các tài sản cố định khác...).

Giới hạn cho vay của tổ chức tín dụng quy mô nhỏ đối với khách hàng không phải là tổ chức tài chính quy mô nhỏ không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tài chính quy mô nhỏ; đối với một khách hàng là tổ chức tài chính quy mô nhỏ không được vượt quá 30 triệu đồng; đối với một nhóm khách hàng liên quan không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tài chính. Trong đó mức cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá tỷ lệ quy định.

Tổ chức tài chính phải duy trì thường xuyên tỷ lệ về khả năng chi trả (theo tỷ lệ giữa tài sản là tiền mặt, các tài sản dễ chuyển đổi thành tiền mặt với tổng tiền gửi bao gồm tiền tiết kiệm bắt buộc và tiền gửi tự nguyện) tối thiểu bằng 20%.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2009.

Hỗ trợ vốn vay ngắn và trung hạn ở khu vực nông thôn

Ngày 17/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 497/QĐ-TTg quy định việc hỗ trợ lãi suất vay vốn mua thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

Theo đó, mức tiền vay tối đa đối với các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy vi tính là 100% giá trị hàng hóa và được hỗ trợ 100% lãi suất vay. Đối với các sản phẩm vật tư nông nghiệp, mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa nhưng không vượt quá 07 triệu đồng/ha và được hỗ trợ 4% lãi suất vay. Đối với vật liệu xây dựng các loại để làm nhà ở, mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa nhưng không vượt quá 50 triệu đồng và được hỗ trợ bằng 4% lãi suất vay. Những hàng hóa trên phải là sản phẩm được sản xuất trong nước và phải được đăng ký, niêm yết giá bán và có nhãn hàng hóa theo quy định.

Để được vay vốn và hỗ trợ lãi suất, các tổ chức, cá nhân vay phải có địa chỉ cư trú hợp pháp và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận là người trực tiếp sản xuất (không phải mua về để bán lại); có hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại theo quy định.

Các ngân hàng thương mại cho vay theo cơ chế tín dụng thông thường, thực hiện giảm trừ số tiền lãi được hỗ trợ vào số tiền lãi phải trả cho các tổ chức, cá nhân vay khi đến hạn thu lãi vay. Không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều chỉnh một số mức lãi suất

Ngày 10/04/2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 837/QĐ-NHNN về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.

Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 8,0%/năm xuống còn 7,0 %/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ 6,0%/năm xuống còn 5,0 %/năm.

Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng giảm từ 8,0%/năm xuống còn 7,0 %/năm.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/04/2009, thay thế Quyết định số 173/QĐ- NHNN ngày 23/01/2009.

[Hỗ trợ lãi suất vay vốn trung, dài hạn](#)

Ngày 07/04/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 05/2009/TT-NHNN, quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh.

Theo đó, có 09 nhóm ngành, lĩnh vực kinh tế được hỗ trợ lãi suất là các khoản vay, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam gồm: nông nghiệp và lâm nghiệp; thủy sản; công nghiệp khai thác mỏ; công nghiệp chế biến; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước; xây dựng (trừ công trình xây dựng văn phòng (cao ốc) cho thuê, công trình xây dựng, sửa chữa mua nhà để bán); thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình; vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc; và hoạt động khoa học và công nghệ.

Ngoài ra, đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ này còn bao gồm các khoản cho vay đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư ban hành theo Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008.

Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay là 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế, năm trong khoảng thời gian từ 01/04/2009 đến 31/12/2011. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, kể từ ngày giải ngân đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01/04/2009 mà được giải ngân trong khoảng thời gian từ 01/04/2009 đến 31/12/2009. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01/04/2009 đến ngày 31/12/2011.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

XÂY DỰNG

[Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình](#)

Ngày 15/04/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BXD hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

Theo đó, Thông tư này hướng dẫn điều chỉnh dự toán từ ngày 01/01/2009 theo mức lương tối thiểu vùng (nơi xây dựng công trình) quy định tại Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ đối với những khối lượng còn lại của công trình, gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước đang thực hiện dở dang mà Người quyết định đầu tư chưa quyết định chuyển tiếp thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2007 của Chính phủ; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình đã được lập theo đơn giá xây dựng phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tính theo thanglương thuộc bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP và mức lương tối thiểu 450.000 đồng/tháng được quy định trong phụ lục kèm theo Thông tư này...

Hệ số điều chỉnh dự toán chi phí khảo sát xây dựng cho chi phí nhân công trong các vùng I, II, III, IV lần lượt là 1,78 - 1,64 - 1,53 - 1,44.

Hệ số điều chỉnh dự toán chi phí thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng cho chi phí nhân công trong các vùng I, II, III, IV lần lượt là 4,20 - 3,88 - 3,62 - 3,41.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30/05/2009.

[Hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình](#)

Ngày 26/03/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT-BXD, quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Theo đó, việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng được phê duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện. Nội dung giấy phép xây dựng tạm phải ghi rõ thời gian được phép tồn tại của công trình, hết hạn quy định trong giấy phép xây dựng tạm nếu Nhà nước chưa giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch, khi đó chủ đầu tư phải tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

Đối với những công trình xây dựng thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định 12/2009/NĐ-CP, trước khi khởi công chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo các bản vẽ mặt bằng xây dựng, mặt bằng móng, mặt đứng chính công trình cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã biết, để theo dõi và quản lý theo quy định.

Về tổ chức, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất của dự án và điều kiện hoàn cảnh thực tế của cơ quan, đơn vị mình để lựa chọn theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án hoặc hình thức chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Ngoài ra, Bộ Xây dựng còn quy định cụ thể về xác định chủ đầu tư, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; xử lý chuyển tiếp...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 11/05/2009; thay thế Thông tư số 02/2007/TT- BXD, giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006.

QUY ĐỊNH KHÁC

Tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam

Ngày 15/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định về nội dung trên.

Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại.

Đối với chứng chỉ quỹ đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng và vốn điều lệ của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, nhà đầu tư nước ngoài cũng được phép nắm giữ tối đa 49%.

Riêng đối với trái phiếu, tổ chức phát hành có thể quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với trái phiếu lưu hành của tổ chức phát hành.

Thủ tướng cũng quy định, chỉ có tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty chứng khoán với tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán; chỉ có tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức kinh doanh bảo hiểm nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty quản lý quỹ với tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2009 và thay thế Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005.

Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất

Ngày 16/04/2009, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT- BKH hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất.

Theo đó, ngay sau khi có quyết định phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu có trách nhiệm công bố trên Báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, trong đó phải bao gồm phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Bên mời thầu không được từ chối bất cứ nhà đầu tư nào cũng như không được sử dụng bất cứ điều kiện nào trái quy định để hạn chế sự tham gia của các nhà đầu tư.

Để tham dự thầu, nhà đầu tư tại các dự án có sử dụng đất thuộc danh mục được công bố phải đáp ứng đủ 6 điều kiện sau: (1) Có tư cách pháp nhân đối với nhà đầu tư là tổ chức hoặc có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; (2) Có vốn thuộc sở hữu dự kiến dành để đầu tư thực hiện dự án không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20ha và không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư của dự án có quy mô sử dụng đất từ 20ha trở lên; (3) Có tổng mức đầu tư của dự án do nhà đầu tư tự đề xuất trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không thấp hơn giá sàn, trường hợp liên danh tham dự thầu, vốn thuộc sở hữu được tính theo tổng số vốn mà các nhà đầu tư tham gia trong liên danh cam kết vốn trong văn bản thỏa thuận liên danh; (4) Đảm bảo khả năng huy động vốn và các nguồn lực để thực hiện dự án thông qua cam kết cho vay vốn của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng, tài chính; (5) Chỉ được tham dự thầu trong một đơn vị dự thầu theo hình thức độc lập hoặc liên danh giữa nhiều nhà đầu tư. Trường hợp liên danh, các nhà đầu tư phải có văn bản thỏa thuận quy định rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh; (6) trường hợp sau khi lựa chọn, nếu quy hoạch sử dụng khu đất, quỹ đất được điều chỉnh theo hướng tăng hệ số sử dụng đất hoặc tăng diện tích sử dụng công trình xây dựng thì nhà đầu tư phải có trách nhiệm hỗ trợ bổ sung số tiền cho Nhà nước tương ứng với giá trị gia tăng do điều chỉnh quy hoạch.

Có 02 hình thức để lựa chọn nhà đầu tư. Cụ thể, việc đấu thầu được áp dụng đối với tất cả các dự án có từ 2 nhà đầu tư trở lên tham gia; chỉ định thầu áp dụng trong trường hợp chỉ có 1 nhà đầu tư đăng ký tham dự hoặc đối với dự án cấp bách do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Giá trị đảm bảo dự thầu áp dụng đối với cả hai hình thức đấu thầu và chỉ định thầu, được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo một mức xác định tương đương từ 1% đến 3% giá sàn quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được bán cho các nhà đầu tư quan tâm với mức giá do bên mời thầu quy định, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/1 bộ đối với đấu thầu trong nước và không quá 5.000 USD đối với đấu thầu quốc tế.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31/05/2009.

Quy định mới về quản lý và sử dụng con dấu

Ngày 01/04/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2009/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2001/NĐ-CP ngày 24/08/2001 về quản lý và sử dụng con dấu.

Theo đó, mỗi cơ quan, tổ chức và các chức danh Nhà nước chỉ được sử dụng một con dấu. Trong trường hợp cần có thêm con dấu thứ hai cùng nội dung như con dấu thứ nhất phải có ký hiệu riêng để phân biệt với con dấu thứ nhất.

Các tổ chức kinh tế được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư không cần giấy phép làm con dấu, nhưng phải đăng ký mẫu dấu tại cơ quan Công an trước khi sử dụng. Các tổ chức hoạt động theo Luật Báo chí phải có giấy phép hoạt động do cơ quan thông tin và truyền thông có thẩm quyền cấp.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đề nghị làm lại con dấu hoặc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu do con dấu đó bị mất, biến dạng, hỏng hoặc giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu đó bị mất, rách nát thì chỉ cần có văn bản gửi cơ quan Công an có thẩm quyền và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, cơ quan Công an phải giới thiệu đến cơ sở làm con dấu theo quy định. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được giấy giới thiệu của cơ quan Công an hoặc đề nghị của doanh nghiệp, cơ sở làm con dấu phải hoàn thành việc làm con dấu và chuyển cho cơ quan Công an kiểm tra, đăng ký.

Trường hợp con dấu của cơ quan, tổ chức bị thu hồi khi có quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, kết thúc nhiệm vụ, chuyển đổi hình thức sở hữu; doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc có các vi phạm theo quy định của pháp luật; con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã có thông báo mất.

Trường hợp tạm đình chỉ sử dụng con dấu, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thành lập cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu đó và cho phép sử dụng con dấu phải thu hồi con dấu, giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu và thông báo cho cơ quan Công an nơi đăng ký và các cơ quan, tổ chức liên quan biết.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/06/2009

[Quy định về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập](#)

Ngày 30/03/2009, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập.

Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá cước thu của khách hàng đối với dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế (gồm cả bưu thiếp) có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg do Nhà nước đặt hàng Bưu chính Việt Nam cung ứng. Giá cước này không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Cụ thể, đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước, khối lượng của thư đến 20 gram thì mức cước là 2.000 VNĐ, trên 20 gram đến 100 gram là 3.000 VNĐ, trên 100 gram đến 250 gram là 4.500 VNĐ và mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram là 2.000 VNĐ. Giá cước cho bưu thiếp là 1.500 VNĐ.

Đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế, mức cước còn được tính theo 2 khu vực: Các nước APPU (liên minh bưu chính Châu Á - Thái Bình Dương) và các nước khác. Trong các nước APPU, khối lượng thư đến 20 gram chịu mức cước là 0,5 USD, trên 20 gram đến 100 gram là 1,2 USD, trên 100 gram đến 250 gram là 2,3 USD và mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram là 2 USD. Đối với các nước khác, mức phí theo khối lượng như trên (đến 20 gram, từ 20 gram đến 100 gram, trên 100gram đến 250 gram) được quy định lần lượt là 0,6 USD - 1,4 USD - 2,7 USD. Đối với bưu thiếp quốc tế chịu chung mức cước phí là 0,4 USD.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 04/2009

Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/04	16.943	17/04	16.940
03/04	16.941	18/04	16.941
04/04	16.940	21/04	19.939
08/04	16.938	22/04	16.936
09/04	16.939	23/04	16.937
10/04	16.937	24/04	16.935
11/04	16.938	25/04	16.934
14/04	16.936	28/04	16.936
15/04	19.939	29/04	16.937
16/04	16.938	30/04	16.937

Danh mục các văn bản mới trong tháng 03 và 04/2009

Chính phủ

- CV số 2297/VPCP-KNTN (10/4/2009) về việc sử dụng các mẫu biên bản và QĐ trong xử phạt vi phạm hành chính.
- CV số 2199/VPCP- ĐMDN (08/4/2009) về việc trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho các DNNVV.
- CV số 2177/VPCP-ĐMDN (07/4/2009) về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực tư vấn.
- NQ số 13/NQ-CP (07/4/2009) về định hướng, giải pháp thu hút và quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới.
- QĐ số 60/2009/QĐ-TTg (17/4/2009) về sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 14/2009/QĐ-TTg (21/01/2009) ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại.
- ☞ QĐ số 58/2009/QĐ-TTg (16/4/2009) về bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.
- ☞ QĐ số 55/2009/QĐ-TTg (15/4/2009) về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- QĐ số 457/QĐ-TTg (05/4/2009) về việc phê duyệt kế hoạch vay và trả nợ nước ngoài năm 2009.
- QĐ số 443/QĐ-TTg (04/4/2009) về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất- kinh doanh.
- QĐ số 497/2009/QĐ-TTg (17/4/2009) về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.
- CV số 1882/VPCP-KTN (25/03/2009) về việc công tác quản lý chất lượng thi công và bảo đảm an toàn lao động.
- ☞ ND số 31/2009/ND-CP (01/4/2009) về sửa đổi, bổ sung một số điều của ND số 58/2001/ND-CP (24/8/2001) về quản lý và sử dụng con dấu.
- ☞ ND số 33/2009/ND-CP (06/4/2009) về quy định mức lương tối thiểu chung.
- ND số 34/2009/ND-CP (06/4/2009) về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng năm đối với cán bộ xã đã nghỉ việc.
- QĐ số 443/QĐ-TTg (04/4/2009) về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất – kinh doanh.
- CV số 1927/VPCP-KTTH (26/03/2009) về việc giảm, gia hạn thời gian nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- ☞ ND số 30/2009/ND-CP (30/03/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của ND số 105/2004/ND-CP (30/03/2004) về kiểm toán độc lập.

Bộ Tài chính

- ☞ TT số 77/2009/TT-BTC (14/4/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- ☞ TT số 76/2009/TT-BTC (13/4/2009) về việc hướng dẫn việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng phân bón trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- ☞ TT số 75/2009/TT-BTC (13/4/2009) về việc bổ sung QĐ 106/2007/QĐ-BTC (20/12/2007) và các QĐ sửa đổi bổ sung về thuế suất thuế nhập khẩu thép xây dựng.
- ☞ TT số 74/2009/TT-BTC (13/4/2009) về việc sửa đổi TT số 131/2008/TT-BTC (26/12/2008) của Bộ Tài chính.
- ☞ TT số 73/2009/TT-BTC (13/4/2009) về việc hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- TT số 72/TT-BTC (09/4/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với nhóm 25.22 trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- TT số 82/2009/TT-BTC (22/4/2009) về việc điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng gỗ thuộc nhóm 44.07 trong Biểu thuế xuất khẩu.
- TT số 78/2009/TT-BTC (20/4/2009) về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2007/TT-BTC (05/7/2007) hướng dẫn về cơ chế thí điểm huy động kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điều và sản xuất, buôn bán thuốc lá giả.
- ☞ CV số 5158/BTC-TCT (09/4/2009) về việc chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ thuê tàu, giàn khoan loại trong nước chưa được sản xuất.
- QĐ số 720/QĐ-BTC (09/4/2009) về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tạm tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất thủy điện năm 2009.
- ☞ TT số 62/2009/TT-BTC (27/3/2009) về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT số 84/2008/TT-BTC (30/9/2008) hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành ND số 100/2008/ND-CP (08/9/2008) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- ☞ TT số 64/2009/TT-BTC (27/03/2009) về việc hướng dẫn thi hành ND số 26/2009/ND-CP (16/03/2009) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu thụ đặc biệt.

13. TT số 58/2009/TT-BTC (25/03/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sắt thép trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
14. TT số 67/2009/TT-BTC (03/4/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 74.11 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
15. TT số 68/2009/TT-BTC (03/4/2009) về việc sửa đổi mã số và mức thuế nhập khẩu đối với nhóm 03.06 và nhóm 03.07 trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
16. TT số 69/2009/TT-BTC (03/4/2009) về việc hướng dẫn bổ sung mục lục ngân sách nhà nước.
17. TT số 57/2009/TT-BTC (24/03/2009) về hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện của các tổ chức Liên hiệp quốc tại Việt Nam.
18. TT số 66/2009/TT-BTC (30/03/2009) quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.
19. QĐ số 596/2009/TT-BTC (26/03/2009) về việc đính chính TT số 131/2009/TT-BTC (26/01/2008).

Bộ Lao động Thương binh xã hội

1. CV số 1263/LĐTBXH-LĐTL (21/4/2009) về việc trợ cấp thôi việc đối với lao động khi thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động.
2. CV số 1073/LĐTBXH-LĐTL (08/4/2009) về thời gian để tính chế độ trợ cấp mất việc làm đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.
3. CV số 1074/LĐTBXH-LĐTL (08/4/2009) về việc tiền lương làm cơ sở tính trợ cấp thôi việc đối với người lao động làm việc tại công ty nhà nước.
4. CV số 956/LĐTBXH-LĐTL (30/03/2009) về việc xác định quỹ tiền lương thực hiện.
5. CV số 963/LĐTBXH-LĐTL (30/03/2009) về việc giải quyết quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp cổ phần hóa.
6. CV số 1009/LĐTBXH-LĐTL (02/4/2009) về việc tiền lương tính trợ cấp thôi việc.
7. CV số 1010/LĐTBXH-LĐTL (02/4/2009) về việc trợ cấp thôi việc đối với người lao động.
8. TT 08/2009/TT-BLĐTBXH (07/4/2009) về sửa đổi, bổ sung Mục VII TT số 07/2006/TT-BLĐTBXH (26/7/2006) hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.
9. CV số 453/LĐTBXH-LĐTL (19/02/2009) về việc tham gia ý kiến đề án chế độ tiền lương đối với ngành ngoại giao.
10. CV số 503/LĐTBXH-PC (25/02/2009) về việc góp ý kiến dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc định hướng và giải pháp tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài.
11. CV số 649/LĐTBXH-LĐTL (06/03/2009) về việc áp dụng lương tối thiểu đối với Ban quản lý dự án.
12. CV số 674/LĐTBXH-LĐTL (09/03/2009) về việc vận dụng xếp lương, phụ cấp lương theo Tổng công ty đặc biệt.
13. CV số 695/LĐTBXH-LĐTL (10/03/2009) về việc tiền lương bình quân của Giám đốc thấp hơn tiền lương bình quân của nhân viên.

Bộ Xây dựng

1. TT số 05/2009/TT-BXD (15/4/2009) về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình
2. CV số 68/BXD -KTXD (15/4/2009) về việc thanh toán hợp đồng EPC.
3. CV số 625/BXD -KTXD (15/4/2009) về việc hướng dẫn chuyển tiếp thực hiện NĐ số 99/2007/NĐ-CP.
4. TT số 03/2009/TT-BXD (26/03/2009) về việc quy định chi tiết một số nội dung của NĐ số 12/2009/NĐ-CP (12/02/2009) của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Bộ Công thương

1. TT số 07/2009/TT-BCT (09/4/2009) về việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng dệt may đối với một số chủng loại hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Bộ Kế hoạch

1. QĐ số 440/QĐ-BKH ngày 08/4/2009) về việc phê duyệt Danh mục các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm 2009.
2. TT số 03/2009/TT-BKH (16/4/2009) hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất.

Liên bộ

1. TT liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA (10/4/2009) hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước

1. CV số 2241/NHNN-QLNH (01/4/2009) về việc các tổ chức tín dụng báo cáo hoạt động Sàn giao dịch vàng.

2. ☞ QĐ số 837/QĐ-NHNN (10/4/2009) về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay vốn bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ đối với các ngân hàng.
3. ☞ TT số 07/2009/TT-NHNN (17/04/2009) quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.
4. QĐ số 831/QĐ-NHNN (08/4/2009) về việc bổ sung công ty tài chính tham gia thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh.
5. ☞ TT số 05/2009/TT-NHNN (07/4/2009) về việc quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất – kinh doanh.
6. TT số 06/2009/TT-NHNN (09/4/2009) về việc quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (27/12/2008).
7. CV số 2244/NHNN-CSTT (02/4/2009) về việc thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất.
8. QĐ số 673/QĐ-NHNN (30/03/2009) về việc ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác để tổ chức, thực hiện QĐ số 131/QĐ-TTg (23/01/2009).

Tổng Cục thuế

1. ☞ CV số 1276/TCT-CS (08/4/2009) về việc thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất.
2. ☞ CV số 1277/TCT-CS (08/4/2009) về việc chính sách thuế GTGT đối với xăng dầu tạm nhập tái xuất chuyển tiêu thụ trong nước.
3. CV số 1141/TCT-HTQT (30/03/2009) về việc hướng dẫn chính sách thuế.
4. ☞ CV số 1144/TCT-CS (30/03/2009) về việc ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với khu công nghệ thông tin tập trung.
5. CV số 1157/TCT-CS (31/03/2009) về việc chứng từ bán vé máy bay và thu phí dịch vụ của khách hàng.
6. ☞ CV số 1174/TCT-CS (01/4/2009) về việc thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa ủy thác gia công xuất khẩu.
7. ☞ CV số 1177/TCT-CS (01/4/2009) về việc trả lời kiến nghị tại Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp năm 2008.
8. ☞ CV số 1178/TCT-CS (01/4/2009) về việc trả lời kiến nghị tại hội nghị đối thoại với doanh nghiệp năm 2008.
9. CV số 1233/TCT-KK (03/4/2009) về việc thực hiện TT số 04/2009/TT-BTC.
10. CV số 1246/TCT-CS (07/4/2009) về việc thuế suất thuế GTGT.
11. ☞ CV số 1259/TCT-TNCN (07/4/2009) về việc chính sách thuế thu nhập cá nhân.
12. ☞ CV số 1308/TCT-TNCN (10/4/2009) về việc giãn nộp thuế thu nhập cá nhân.
13. ☞ CV số 1026/TCT-CS (24/03/2009) về việc trả lời chính sách thuế.
14. CV số 1073/TCT-CS (26/03/2009) về việc xác định chi phí hợp lý.
15. CV số 1081/TCT-CS (26/03/2009) về việc thuế GTGT đối với dịch vụ vệ sinh công cộng.
16. CV số 1215/TCT-CS (03/4/2009) về việc giải đáp chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.
17. CV số 804/TCT-CS (10/03/2009) về việc thuế GTGT.
18. ☞ CV số 830/TCT-TNCN (11/03/2009) về việc hướng dẫn về thuế TNCN đối với người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam.
19. ☞ CV số 834/TCT-TNCN (11/03/2009) về việc giảm trừ gia cảnh cho đối tượng nộp thuế TNCN.
20. CV số 844/TCT-CS (12/03/2009) về việc thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ vận chuyển.
21. ☞ CV số 909/TCT-CS (17/03/2009) về việc thuế suất thuế GTGT.
22. CV số 937/TCT-CS (18/03/2009) về việc giải đáp vướng mắc trong việc hoàn thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.
23. CV số 947/TCT-TNCN (19/03/2009) về việc tính thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.
24. CV số 986/TCT-CS (20/03/2009) về việc thuế GTGT đối với tinh quặng êmêhit xuất khẩu.
25. CV số 987/TCT-CS (20/03/2009) về việc chính sách thuế GTGT.
26. ☞ CV số 989/TCT-CS (20/03/2009) về việc thực hiện hóa đơn, chứng từ trong việc sử dụng tài sản dùng chung.
27. ☞ CV số 997/TCT-TNCN (23/03/2009) về việc kê khai, nộp thuế TNCN.
28. CV số 998/TCT-TNCN (23/03/2009) về việc thuế GTGT đối với chuyển nhượng bất động sản.
29. CV số 1052/TCT-TNCN (25/03/2009) về việc giải đáp vướng mắc trong việc kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Tổng Cục Hải quan

1. CV số 1786/TCHQ-KTTT (03/4/2009) về việc xử lý vướng mắc đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.
2. CV số 1867/TCHQ-GSQL (09/4/2009) về việc thủ tục xuất khẩu hàng hóa từ kho ngoại quan ra nước ngoài.
3. CV số 1958/TCHQ-GSQL (14/4/2009) về việc tạm thời phân loại mặt hàng thép cuộn, cán nóng, dùng trong xây dựng.
4. CV số 1960/TCHQ-GSQL (14/4/2009) về việc thủ tục hải quan giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất.
5. CV số 1962/TCHQ-KTTT (14/4/2009) về việc chính sách miễn thuế nhập khẩu.

6. CV số 2013/TCHQ-GSQL (16/4/2009) về việc tham gia ý kiến Phương án quản lý kinh doanh mặt hàng rượu, bia tại Khu thương mại – Công nghiệp Mộc Bài.
7. CV số 2014/TCHQ-GSQL (16/4/2009) về việc thủ tục hải quan đối với hàng tái xuất gửi kho ngoại quan.
8. CV số 2060/TCHQ-KTTT (17/4/2009) về việc hoàn thuế nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất kinh doanh trong thời gian gia hạn thuế.
9. CV số 2070/TCHQ-KTTT (14/4/2009) về việc hoàn thuế hàng nhập khẩu sau đó tái xuất.
10. CV số 2071/TCHQ-KTTT (17/4/2009) về việc đăng ký Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.
11. CV số 2076/TCHQ-GSQL (17/4/2009) về việc phân loại mặt hàng thép cuộn cán nóng, dùng trong xây dựng.
12. CV số 2083/TCHQ-GSQL (17/4/2009) về việc giải đáp vướng mắc thủ tục hải quan sau đổi thoai doanh nghiệp FDI.
13. CV số 1808/TCHQ-GSQL (07/4/2009) về việc thời điểm đăng ký định mức.
14. CV số 1833/TCHQ-GSQL (08/4/2009) về việc nhập khẩu hành lý cá nhân.
15. CV số 1834/TCHQ-GSQL (08/4/2009) về việc tham gia ý kiến dự thảo Quy trình kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.
16. CV số 1849/TCHQ-KTTT (08/4/2009) về việc hoàn thuế hàng TN-TX.
17. CV số 1853/TCHQ-KTTT (08/4/2009) về việc vướng mắc thực hiện Luật thuế GTGT.
18. CV số 1854/TCHQ-KTTT (08/4/2009) về việc thực hiện giảm 50% thuế suất thuế GTGT.
19. CV số 1867/TCHQ-GSQL (09/4/2009) về việc thủ tục xuất khẩu hàng hóa từ khi ngoại quan ra nước ngoài
20. CV số 1722/TCHQ-GSQL (01/4/2009) về việc thủ tục hải quan đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009.
21. CV số 1724/TCHQ-KTTT (01/4/2009) về việc thuế GTGT hàng tạm nhập – tái xuất.
22. CV số 1728/TCHQ-KTTT (01/4/2009) về việc thuế GTGT đối với hàng doanh nghiệp chế xuất mua từ doanh nghiệp nội địa.
23. CV số 1754/TCHQ-GSQL (02/4/2009) về việc đăng ký hợp đồng gia công thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.

Nếu bạn đọc cần thêm thông tin cũng như có ý kiến đóng góp, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo các địa chỉ sau:

Trụ sở chính:

217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng
Tel: (0511)3655886–105 Fax: (0511)3655887
Website: <http://www.aac.com.vn>
E-mail: aac@dng.vnn.vn

Phan Xuân Vạn
Lê Khắc Minh
Nguyễn Trọng Hiếu
Trần Thị Nở

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Biên tập viên

Bản tin này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC.

AAC sẵn sàng cung cấp miễn phí các văn bản được nêu trong Bản tin cho các khách hàng thường xuyên của Công ty. Đối với các khách hàng khác, chúng tôi có thể tính một khoản phí để trang trải các chi phí hành chính. Mức phí cụ thể được quy định như sau:

- Nếu đặt mua cả năm: 350.000 đồng (12 số);
- Nếu mua không thường xuyên: 30.000 đồng/số.

Ngoài những thông tin được tóm tắt trên Bản tin định kỳ, nếu bạn đọc nào muốn được cung cấp thêm những thông tin đầy đủ thì mức phí được tính như sau:

- Cung cấp miễn phí đối với bạn đọc đặt mua cả năm trong trường hợp gửi qua Email, còn trường hợp gửi qua Bưu điện hoặc Fax thì mức phí được tính 1.500 đồng/trang;
- Đối với bạn đọc khác được cung cấp trực tiếp tại văn phòng Công ty Kiểm Toán & Kế toán (AAC), giá 2.000 đồng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay những thay đổi liên quan đến địa chỉ liên hệ của bạn để chúng tôi có thể đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của bạn.

